

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST.

Ngày: 20-3-2020.

V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng Tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển

2. Ông Võ Ánh Sứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2020 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 324/2019/TLST-DS, ngày 09/9/2019, về việc “Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 06/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-DS ngày 27/02/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng);

Địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị MK, phường B, quận A, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ (Quyết định ủy quyền số 272/2019/QĐ-TGD ngày 21/02/2019).

Bà Nguyễn Huỳnh Bảo H ủy quyền cho ông Cao Ngọc S - Chức vụ Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân - Phòng Giao dịch huyện E - HD Bank tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 352/2019/UQ-HDB, ngày 28 tháng 8 năm 2019). Ông Cao Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Đức B - sinh năm 1969 và bà Phạm Thị L - sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông B và bà L vắng mặt lần thứ

hai không có lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Đức A - sinh năm 1993. Vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, vợ chồng ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L và Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0634/17/HĐTDHM-CN/235 ngày 08/12/2017.

Theo nội dung hợp đồng, ngày 16/11/2018 HD Bank giải ngân cho ông Biên bà Liên số tiền là 950.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn 16/11/2019, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ; kỳ hạn trả nợ lãi: 06 tháng/01 lần, vào ngày 16 của hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên 16/05/2019.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ông Vũ Đức B, bà Phạm Thị L và con trai là Vũ Đức A đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0634/17/HĐBĐ - 235 ngày 08/12/2017, gia đình ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L đã thế chấp tại HD Bank các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 099206, do UBND huyện E cấp ngày 10/5/2002 cấp cho hộ ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L gồm các thửa đất: thửa đất số 26, diện tích: 11.824 m², thửa đất số 40, diện tích 6987 m²; địa chỉ: Tại thôn C, xã H, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã H, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk) và tài sản trên đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến kỳ hạn trả nợ lãi đầu tiên, ngày 16/5/2019, ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L không trả lãi theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Do khách hàng ông Biên, bà Liên vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Do đó, HD Bank yêu cầu ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền là: 1.106.181.283 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ sáu triệu một trăm tám mươi mốt ngàn hai trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc: 950.000.000 đồng; Tiền lãi: Lãi trong hạn: 100.296.575 đồng; Lãi quá hạn: 55.884.708 đồng.

Trong trường hợp ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 26, diện tích: 11.824 m² và thửa đất số 40, diện tích 6987 m²; địa chỉ: Tại thôn C, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã Ea H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp số 0634/17/HĐBĐ - 235 ngày 08/12/2017 để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông B và bà L, người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đức A lần tránh không tham gia tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B và bà L trả cho Ngân hàng số tiền 950.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng T với bị đơn là ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, mục đích vay vốn bổ sung vốn để chăm sóc cây cà phê, hồ tiêu nên thuộc vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vũ Đức A đến Tòa án để làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Biên, bà Liên, anh Vũ Đức A vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ông B, bà L, anh Đức A cư trú.

Đối với ông B, bà L, anh Đức A, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Cao Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung: Ngày 08 tháng 12 năm 2017, vợ chồng ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L và Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0634/17/HĐTDHM-CN/235 ngày 08/12/2017. Ngày 16/11/2018 Ngân hàng giải ngân cho ông Biên bà bà

Liên số tiền là 950.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn 16/11/2019, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ; Kỳ hạn trả nợ lãi: 06 tháng/01 lần, vào ngày 16 của hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên 16/05/2019.

Căn cứ kết luận giám định số 137/PC09 ngày 26/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận chữ ký, chữ viết mang tên ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L ở phần đại diện bên vay, trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 0634/17/HĐTDHM-CN/235 đề ngày 08/12/2017 so với chữ ký, chữ viết mang tên ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0634/17/HĐBĐ-235 ngày 08/12/2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm lưu tại HD Bank do HD Bank cung cấp, xác định do ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L cùng viết ra.

Nội dung trong tài liệu mà nguyên đơn cung cấp, thể hiện vợ chồng ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L còn nợ HD Bank số tiền là: 1.106.181.283 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ sáu triệu một trăm tám mươi một ngàn hai trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc: 950.000.000 đồng; Tiền lãi: Lãi trong hạn: 100.296.575 đồng; Lãi quá hạn: 55.884.708 đồng (tính đến ngày 19/3/2020).

Hội đồng xét xử xét thấy, việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng với ông Vũ Đức B, bà Phạm Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại các Điều 463, 46, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản, nhưng ông Biên, bà Liên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà L, yêu cầu ông B, bà L phải trả số tiền là 1.106.181.283 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ sáu triệu một trăm tám mươi một ngàn hai trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc: 950.000.000 đồng; Tiền lãi: Lãi trong hạn: 100.296.575 đồng; Lãi quá hạn: 55.884.708 đồng (tính đến ngày 19/3/2020) và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả toàn bộ số nợ là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà L đã vắng mặt nên không có ý kiến gì.

[3]. Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền vay, ông Vũ Đức B, bà Phạm Thị L và anh Vũ Đức A (ủy quyền cho ông B, bà L) có thế chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 099206, do UBND huyện Ea H'leo cấp ngày 10/5/2002 cấp cho hộ ông Vũ Đức B bà Phạm Thị L gồm các thửa đất: thửa đất số 26, diện tích: 11.824 m², thửa đất số 40, diện tích 6987 m²; địa chỉ: Tại thôn C, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn A, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk).

Việc thế chấp tài sản được thực hiện đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Xét yêu cầu của phía nguyên đơn, trong trường hợp bị đơn không trả đủ nợ thì xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp Điều 355 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận. Vì vậy, trong trường hợp bị đơn không trả đủ nợ cho nguyên đơn thì tài sản thế chấp là tài sản để bảo đảm thi hành án. Nếu bị đơn đã thanh toán đủ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn thì phía nguyên đơn có nghĩa vụ giải chấp tài sản thế chấp.

Xử lý tiền chi phí tố tụng: Do bị đơn vợ chồng ông Vũ Đức B, bà Phạm Thị L được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do nên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Vũ Đức B, bà Phạm Thị L trong tài liệu về công nợ cung cấp lưu hồ sơ vụ án và nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000 đồng. Căn cứ kết luận giám định của phòng khoa học kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền là 5.040.000 đồng theo Điều 159, khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả 5.040.000 đồng này cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên cần buộc ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317; Điều 318, Điều 319; Điều 463; Điều 364, Điều 365; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L trả cho HD Bank số tiền là: 1.106.181.283 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ sáu triệu một trăm tám mươi một ngàn hai trăm tám mươi ba đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc: 950.000.000 đồng; Tiền lãi: 156.181.283; Lãi trong hạn: 100.296.575 đồng; Lãi quá hạn: 55.884.708 đồng (lãi suất tính đến ngày 19/3/2020)

Kể từ ngày 20/3/2020, ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu lãi

suất của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 0634/17/HĐTDHM-CN/235 ngày 08/12/2017 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0634/17/HĐTDHM-CN/235/KUNN02 ngày 16/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 0634/17/HĐBĐ-235, ngày 08/12/2017 giữa ngân hàng T vẫn có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì tài sản thế chấp là tài sản để bảo đảm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L liên đới phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí thẩm định tài sản. Ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) tạm ứng chi phí giám định và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tài sản.

3. Về án phí: Ông Vũ Đức B và bà Phạm Thị L phải chịu 45.185.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho lại cho Ngân hàng T 9.637.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số AA/2019/0001034 ngày 06/9/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Nguyễn Thị Bích Thủy